

Bản án số: 986/2020/DS-PT

Ngày: 08/10/2020

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Châu

Các thẩm phán:

Bà Huỳnh Thị Như Hà

Ông Phạm Hồng Giảng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 08/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 444/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4977/2020/QĐPT-DS ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Dur Quốc T1**, sinh năm x (có mặt)

Địa chỉ: Số x Cách Mạng Tháng x, phường x, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Quang Bình - Văn phòng luật sư Phạm Quang Bình thuộc đoàn luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn C1**, sinh năm x (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 130 Văn Thân, phường x, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số x Quốc lộ x, phường x, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm x (vắng mặt)

Địa chỉ: 337/2/20 Thạch Lam, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1945 (vắng mặt)

Địa chỉ: Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông **Nguyễn Thế V** (vắng mặt)

Địa chỉ: x Phạm Văn Chí, phường x, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông **Huỳnh Văn C1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2019; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là ông Dư Quốc T1 trình bày:*

Ngày 30/9/2013, ông có cho ông Huỳnh Văn C1 vay số tiền 1.770.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 20%/năm. Thời hạn vay là từ ngày 30/9/2013 đến ngày 30/9/2015. Việc vay tiền có lập văn bản, có chữ ký và chữ viết xác nhận nợ của ông C1. Từ ngày vay đến nay ông C1 chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho ông. Trước đây, ông và ông C1 có làm ăn hỗ trợ lẫn nhau, có mấy lần ông C1 vay mượn tiền của ông nhưng đều thanh toán đầy đủ nên ông cũng T tưởng.

Sau thời gian cho vay được hai năm, ông đã nhiều lần gặp ông C1 để đòi nợ nhưng ông C1 chỉ hứa là ông còn nhiều đất, dự án, từ từ ông C1 bán được sẽ trả tiền vốn, tiền lãi đầy đủ. Nhưng sau đó, ông phát hiện nhà ông C1 đã bị Ngân hàng niêm phong chờ phát mãi nên ông mới biết bị ông C1 nói dối.

Việc vay nợ giữa ông và ông C1 có người làm chứng là ông Nguyễn Thanh Trầm, sinh năm 1939; Địa chỉ: 337/2/20 Thạch Lam, Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1945; Địa chỉ: 137/20 Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh biết rõ.

Ngoài ra, cuối năm 2016 đến đầu năm 2017, ông C1 có đến nhà ông Nguyễn Thế V, địa chỉ số 1A Ngô Quyền, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để cùng ông và gia đình ông V bàn bạc giải quyết việc ông C1 mượn tư cách pháp nhân của vợ ông V vay tiền ngân hàng. Những lần gặp gỡ này, ông V đều biết ông có đòi nợ ông C1 về khoản tiền vay nêu trên.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6 buộc ông Huỳnh Văn C1 trả cho ông số tiền nợ gốc là 1.770.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 30/9/2013 đến ngày xét xử, yêu cầu ông C1 trả một lần sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 28/6/2019, ông Huỳnh Văn C1 khai:*

Ngày 28/02/2008, ông T1 có cho ông vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất

3,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Hai bên có ký hợp đồng vay tiền. Đến ngày 24/4/2008, ông vay thêm 100.000.000 đồng, hai bên không lập hợp đồng mới mà ông ký nhận ngay trong giấy tờ hợp đồng cũ ngày 24/4/2008. Tổng số tiền mà ông vay của ông T1 là 350.000.000 đồng với lãi suất là 3,5%/tháng.

Do việc làm ăn thất bại nên ông không trả lãi theo thỏa thuận được. Vì vậy, ông T1 đã tính lãi 3,5% tháng nhân với số tháng ông chưa trả lãi, nên số vốn gốc vay 350.000.000 đồng. Tính đến ngày 25/8/2008, ông T1 tính số lãi ông phải trả là 100.000.000 đồng (cộng vốn gốc vay là 350.000.000 đồng thành 450.000.000 đồng).

Ông đã trả lãi được một số lần nhưng không đều vì vậy đến ngày 25/12/2008, ông T1 đã tổng cộng vốn và lãi là 500.000.000 đồng (trong đó vốn gốc là 350.000.000 đồng và lãi 150.000.000 đồng) và hai bên ký lại hợp đồng với số tiền vay là 500.000.000 đồng.

Do ông không trả lãi được nên ông T1 làm áp lực với ông và buộc ông ký giấy nợ mới với số tiền vay tăng dần nhưng thực chất ông không hề vay thêm mà do ông T1 cộng dồn tiền lãi vào vốn vay ban đầu. Cho đến ngày 30/9/2012, tổng cộng là 1.770.000.000 đồng (vốn vay là 350.000.000 đồng và lãi 1.420.000.000 đồng).

Nay, ông đồng ý trả số vốn gốc vay ban đầu là 350.000.000 đồng. Số tiền 1.420.000.000 đồng là tiền lãi mẹ, để lãi con theo cách tính của ông T1: gộp lãi vào vốn, sau đó nhân với lãi suất 3,0% - 3,5%/tháng trên số dư nợ mới, đó là cách tính lãi theo kiểu cho vay lãi nặng trên 20%/tháng.

Vì vậy, ông không đồng ý trả khoản tiền lãi suất này và yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 6 buộc ông T1 phải làm rõ về mức lãi suất này, vì có dấu hiệu của tội cho vay nặng lãi cao gấp nhiều lần mức lãi suất nhà nước cho phép. Hành vi tính lãi của ông T1 có dấu hiệu tội phạm hình sự: cho vay nặng lãi, cần phải được pháp luật xử lý theo quy định của bộ luật hình sự, đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng về thời hiệu khởi kiện.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dư Quốc T1 đối với ông Huỳnh Văn C1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

Buộc ông Huỳnh Văn C1 có nghĩa vụ trả cho ông Dư Quốc T1 số tiền nợ gốc là 1.770.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng), trả một lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Dư Quốc T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Huỳnh Văn C1 không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông C1 còn phải trả cho ông T1 khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Dư Quốc T1 về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn C1 phải trả cho ông T1 khoản tiền lãi tính từ ngày 30/9/2013 đến ngày 30/7/2020 là 2.479.000.000 đồng (Hai tỉ bốn trăm bảy chín triệu đồng) do hết thời hiệu khởi kiện.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 26/8/2020 ông Huỳnh Văn C1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn ông Dư Quốc T1 trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, ông T1 xác định giữa ông T1 và ông C1 có vay nhiều lần nhưng đến nay ông C1 chỉ còn nợ ông T1 khoản tiền gốc 1.770.000.000 đồng tại giấy vay ngày 30/9/2013, còn các khoản vay khác ông C1 đã trả cho ông T1 đầy đủ.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn C1 trình bày: Ông C1 kháng cáo không đồng ý trả tiền gốc 1.770.000.000 đồng và tiền án phí, đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện. Ông C1 xác định chữ viết nhận tiền và chữ ký nhận tiền tại giấy vay ngày 30/9/2013 là của ông C1 viết do ông T1 yêu cầu cộng lãi nhập gốc, thực tế ông C1 không vay khoản tiền này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghị đề nghị án Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- [1] Về thời hạn kháng cáo:

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vào ngày 30/7/2020 đến ngày 26/8/2020 ông Huỳnh Văn C1 có đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự kháng cáo trong thời hạn luật định.

- [2] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Dư Quốc T1 và bị đơn ông Huỳnh Văn C1 đều có mặt. Căn cứ Điều 228 và 294 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của pháp luật.

- [3] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn C1 cho rằng chỉ mượn của ông T1 350.000.000 đồng, sau đó ông T1 gộp lãi và gốc nên ông C1 mới ký vay số tiền là 1.770.000.000 đồng và ông C1 cho rằng vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy nhận nợ của ông Huỳnh Văn C1 lập ngày 30/9/2013 có nội dung ông C1 vay nợ của ông T1 số tiền 1.770.000.000 đồng: "*Nay tôi lập giấy này khẳng định tôi có nợ ông Dư Quốc T1 là 1.770.000.000đ. Tôi xin hẹn trả nợ ông T1 trong vòng 2 năm sau kể từ 30/9/2013 tôi sẽ trả hết nợ...*" và ông C1 còn ký xác nhận nội dung "*Xác nhận tôi đã nhận đủ một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng*". Ông C1 cho rằng ông không vay của ông T1 số tiền 1.770.000.000 đồng theo giấy nhận nợ lập ngày 30/9/2013 mà số tiền này là do ông T1 cộng dồn tiền lãi nhiều lần trên số tiền 350.000.000 đồng nợ gốc ban đầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C1 xác định: Ông C1 có ký vào các giấy vay tổng cộng tiền nợ gốc và lãi vay là 1,6 tỷ cụ thể ngày 28/02/2008 vay nợ gốc 250 triệu; 24/8/2008 vay thêm nợ gốc 100 triệu; ngày 25/8/2008 vay gốc và lãi 450 triệu; 25/12/2008 vay gốc và lãi 500 triệu; 20/4/2009 vay lãi và gốc 300 triệu; ngày 30/9/2013 vay 1.770.000.000 đồng đều do ông C1 bị ông T1 ép ký, kể cả tiền lãi đã trả ông T1 cũng không ghi biên nhận cho ông C1, nhưng ông C1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông C1 bị ông T1 ép ký các giấy vay nói trên và việc ông C1 đã thanh toán tiền lãi cho ông T1, bên cạnh đó trình bày của ông C1 không được ông T1 thừa nhận. Do đó xác định tính đến ngày xét xử sơ thẩm ông C1 vẫn chưa trả cho ông T1 khoản nợ của giấy vay ngày 30/9/2013 như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và tuyên xử ông Huỳnh Văn C1 có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền nợ gốc 1.770.000.000 đồng cho ông Dư Quốc T1 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với các giấy vay ngày 28/02/2008 vay nợ gốc 250 triệu; 24/8/2008 vay thêm nợ gốc 100 triệu; ngày 25/8/2008 vay gốc và lãi 450 triệu; 25/12/2008 vay gốc và lãi 500 triệu; 20/4/2009 vay lãi và gốc 300 triệu ông T1 xác định ông C1 đã trả xong không khởi kiện các giấy vay này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về thời hiệu khởi kiện, ông C1 và ông T1 xác lập giao dịch vào ngày 30/9/2013 là trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP xác định đối với yêu cầu thanh toán phần nợ gốc 1.770.000.000 đồng thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện còn đối với yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi thì Tòa án không giải quyết do hết thời hiệu khởi kiện là đúng. Vì vậy không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, được hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông Huỳnh Văn C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 ;
- Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn C1; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 30/7/2020 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dư Quốc T1 đối với ông Huỳnh Văn C1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”:

Buộc ông Huỳnh Văn C1 có nghĩa vụ trả cho ông Dư Quốc T1 số tiền nợ gốc là 1.770.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng), trả một lần kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Dư Quốc T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Huỳnh Văn C1 không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông C1 còn phải trả cho ông T1 khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Dư Quốc T1 về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn C1 phải trả cho ông T1 khoản tiền lãi tính từ ngày 30/9/2013 đến ngày 30/7/2020 là 2.479.000.000 đồng (Hai tỉ bốn trăm bảy chín triệu đồng) do hết thời hiệu khởi kiện.

3. Án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn C1 có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 65.100.000 đồng.

Ông Dư Quốc T1 thuộc đối tượng được miễn đóng tạm ứng án phí, án phí và được chấp nhận đơn xin miễn đóng tạm ứng án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét việc hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông T1.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng ông C1 đã nộp theo biên lai thu số 0010512 ngày 27/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Quỳnh Châu